

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai tình hình mua sắm, quản lý và sử dụng tài sản công
năm 2024 của Trường MN Ngọc Hiệp**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON NGỌC HIỆP

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 144/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Chính phủ về việc quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-MNNH ngày 10/01/2025 của Trường Mầm non Ngọc Hiệp về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công;

Xét đề nghị của bộ phận Kế toán, trường Mầm non Ngọc Hiệp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu tình hình mua sắm, quản lý và sử dụng tài sản công năm 2024 của Trường Mầm non Ngọc Hiệp theo **biểu mẫu 09a,b,c -CK/TSC** đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hình thức công khai: đăng tải trên trang Cổng thông tin điện tử nhà trường và Niêm yết công khai tại Bảng tin trường Mầm non Ngọc Hiệp.

Điều 3. Bộ phận Kế toán, Chuyên môn và các bộ phận có liên quan trường Mầm non Ngọc Hiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cổng TTĐT trường;
- Niêm yết bảng tin;
- Lưu: VT, KT.



HIỆU TRƯỞNG

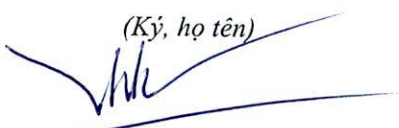
Lê Thuỳ Mỹ Linh

Bộ, tỉnh: Tỉnh Khánh Hòa
Cơ quan quản lý cấp trên: Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Nha Trang
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Mầm Non Ngọc Hiệp
Mã đơn vị: 1109757
Loại hình đơn vị: Khôi sự nghiệp

Mẫu số 09a-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẮM, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG
Năm 2024

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I	Đầu tư xây dựng, mua sắm						37.120						
4	Tài sản cố định khác						37.120						
	Giàn hoa	Cái	1,0			2024	37.120						
	Tổng cộng						37.120						

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)

Phạm Thị Thanh Hòa

Ngày 22 tháng 6 năm 2025
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Lê Thùy Mỹ Linh



Bộ, tỉnh: Tỉnh Khánh Hoà
Cơ quan quản lý cấp trên: Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Nha Trang
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Mầm non Ngọc Hiệp
Mã đơn vị: T32007311542
Loại hình đơn vị: ĐVSN công tự bảo đảm 1 phần chi thường xuyên

Mẫu số 09b-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP
NĂM 2024

ĐVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích đất là: Mét vuông; Diện tích nhà là: Mét vuông; Giá trị là: Nghìn đồng

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú
		Diện tích	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng	Giá trị theo sổ kế toán		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (Lấy theo diện tích sàn sử dụng)							
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	GTCL	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác	
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp		
1	Tổ 2 Vĩnh Diêm, Tp Nha Trang								1994	79,00	102.193,00			79,00							
2	Tổ 2 Vĩnh Diêm,								2013	44,10	20.617,00	4.115,15									
3									2014	79,20	19.970,00	11.183,20									
4	Tổ 2 Vĩnh Diêm, Ngọc Hiệp								2012	44,10	24.550,00	3.262,70									

ĐVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích đất là: Mét vuông; Diện tích nhà là: Mét vuông; Giá trị là: Nghìn đồng

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú
		Diện tích	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng	Giá trị theo sổ kế toán		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (Lấy theo diện tích sàn sử dụng)							
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	GTCL	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác	
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp		
5	Trường Mầm non Ngọc Hiệp, Tổ 15 Ngọc Sơn, ,Ph ường Ngọc Hiệp, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà	908,00	2.042.100,00		908,00					1997	183,00	160.451,00			183,00						
6	Tổ 2 Vĩnh Diễm, Ngọc Hiệp, Phường Ngọc Hiệp, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà	237,00	568.800,00		237,00					1994	44,10	38.840,00									

DVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích đất là: Mét vuông; Diện tích nhà là: Mét vuông; Giá trị là: Nghìn đồng

DVT chữ: Số tương tự: Cột, không viết, Diện tích đất là: Múi vàng, Diện tích nhà là: Múi vàng, Giá trị là: Nguyên đồng

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất							Công khai về nhà											Ghi chú	
		Diện tích	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai					Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng	Giá trị theo sổ kế toán		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (Lấy theo diện tích sàn sử dụng)								
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp						Sử dụng khác	Nguyên giá	GTCL	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp						Sử dụng khác
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp		
Tổng cộng		1.145,00	2.610.900,00		1.145,00					473,50	366.621,00	18.561,05		262,00							

Nguồn: Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công

Lập, ngày 23 tháng 6 năm 2025

Thời gian xuất báo cáo: 26/05/2025 10:03:44

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)



Phạm Thị Thanh Hòa

Thủ trưởng cơ quan

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)




Lê Thùy Mỹ Linh

1914-1915

1916-1917

1918-1919

1920-1921

1922-1923

1924-1925

1926-1927

1928-1929

1930-1931

Bộ, tỉnh: Tỉnh Khánh Hoà
Cơ quan quản lý cấp trên: Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Nha Trang
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Mầm non Ngọc Hiệp
Mã đơn vị: T32007311542
Loại hình đơn vị: ĐVSN công tự bảo đảm 1 phần chi thường xuyên

Mẫu số: 09c-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC
NĂM 2024

ĐVT cho: Số lượng là: Cái; Giá trị là: Nghìn đồng.

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai			Mục đích sử dụng							
				Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác	
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn ngân sách									Nguồn khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Tài sản cố định khác		81	1.912.097,30	1.610.915,30	301.182,00	440.383,85							
1	VT08 - Máy tính để bàn (ISO)		1	15.239,00	15.239,00		9.143,40							
2	MC0013 - Bảng tên trường		1	19.000,00	19.000,00		9.500,00							
3	TS0010 - Tủ đựng đồ dùng cá nhân của trẻ		1	11.200,00	11.200,00									
4	VT06 - Máy tính để bàn (ISO)		1	15.239,00	15.239,00		9.143,40							
5	TV09 - Ti vi TCL 4K		1	18.701,00	18.701,00		11.220,60							
6	CT02 - Cầu trượt xoắn con thỏ 2 sân		1	20.480,00	20.480,00		16.384,00							

ĐVT cho: Số lượng là: Cái; Giá trị là: Nghìn đồng.

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai			Mục đích sử dụng							
				Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác	
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn ngân sách									Nguồn khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
7	CT01 - Cầu trượt xoắn con thỏ 2 sàn		1	20.480,00	20.480,00		16.384,00							
8	HR0001 - Cửa cổng, hàng rào sắt		1	35.321,00		35.321,00								
9	Bục sân khấu		1	30.000,00	30.000,00		26.250,00							
10	VT09 - Máy tính để bàn (ISO)		1	15.239,00	15.239,00		9.143,40							
11	PM04 - Phần mềm Soạn giảng		1	12.000,00	12.000,00									
12	TS0008 - Tủ đựng đồ dùng cá nhân của trẻ		1	11.200,00	11.200,00									
13	TS0011 - Tủ đựng đồ dùng cá nhân của trẻ		1	11.200,00	11.200,00									
14	TV08 - Tivi TCL 4K		1	18.701,00	18.701,00		11.220,60							
15	TSTleo - Thang leo Kt: D4.800xR1.100xC2.0 00m		1	11.739,00		11.739,00								
16	VT04 - Máy tính để bàn (ISO)		1	15.239,00	15.239,00		9.143,40							

DVT cho: Số lượng là: Cái; Giá trị là: Nghìn đồng.

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai			Mục đích sử dụng							
				Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác	
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn ngân sách									Nguồn khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
17	MPT01 - Máy photocopy Canon IR		1	31.787,00	31.787,00		23.840,25							
18	TS0009 - Tủ đựng đồ dùng cá nhân của trẻ		1	11.200,00	11.200,00									
19	MPTCP32 - Máy Photocopy IR2520		1	57.150,00	57.150,00									
20	TL 001 - Tủ lạnh 2 cánh lớn		1	18.752,00	18.752,00		11.251,20							
21	TS0045 - Máy photo tài liệu IR2202N		1	44.600,00	44.600,00									
22	VT03 - Máy tính để bàn (ISO)		1	15.239,00	15.239,00		9.143,40							
23	AT01 - Hệ thống âm thanh		1	15.309,00	15.309,00		9.185,40							
24	TS0033 - Xích đu treo		1	10.450,00	10.450,00									
25	TS0036 - Cầu trượt đôi		1	18.400,00	18.400,00									
26	TS0049 - Tủ y tế		1	10.488,00	10.488,00									

ĐVT cho: Số lượng là: Cái; Giá trị là: Nghìn đồng.

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai			Mục đích sử dụng							
				Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác	
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn ngân sách									Nguồn khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
27	TV06 - Tì vi TCL 4K		1	18.701,00	18.701,00		11.220,60							
28	TS X đu sàn lắ - Xích đu sàn lắ KT: D3350xR1350xC1750 (mm)		1	16.800,00		16.800,00								
29	TS0001 - Tủ đựng đồ dùng cá nhân của trẻ		1	13.600,00	13.600,00									
30	TS0041 - Máy vi tính		1	10.500,00	10.500,00									
31	Bếp01 - Bếp 4 họng		1	16.000,00	16.000,00		12.000,00							
32	SB01 - Sân bóng đá mini		1	10.701,00	10.701,00		8.560,80							
33	PM 001 - Bộ phông màn, bục đặt tượng bác, bục phát biểu, khẩu hiệu, búa liềm		1	28.662,00	28.662,00		25.079,25							
34	TS0021 - Tủ đựng đồ dùng cá nhân của trẻ		1	11.200,00	11.200,00									
35	TS0023 - Tivi LG 550		1	14.216,00	14.216,00									
36	TS0035 - Xích đu sàn lắ		1	29.300,00	29.300,00									

DVT cho: Số lượng là: Cái; Giá trị là: Nghìn đồng.

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác
					Trong đó									
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
37	TS0052 - Tủ hấp cơm		1	23.200,00	23.200,00									
38	MC0004 - Mái che nắng - Diễm Ngọc Sơn		1	19.956,30	19.956,30									
39	MC0001 - Mái che nắng - diễm chinh		1	27.132,00		27.132,00								
40	MTXT01 - Máy vi tính xách tay		1	14.400,00	14.400,00									
41	MC0012 - máy tính xách tay (năm 2021)		1	54.120,00	14.970,00	39.150,00								
42	TH01 - Tủ hấp cơm 5 ngăn		1	19.200,00	19.200,00		15.360,00							
43	TS0002 - Tủ đựng đồ dùng cá nhân của trẻ		1	13.600,00	13.600,00									
44	TS X đu - Xích đu treo KT: D5500xR1800xC2000 mm		1	27.930,00		27.930,00								
45	TS0067 - Thang máy chờ người		1	355.000,00	355.000,00									
46	MC01 - Máy chiếu đa phương tiện		1	23.955,00		23.955,00								

ĐVT cho: Số lượng là: Cái; Giá trị là: Nghìn đồng.

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai			Mục đích sử dụng							
				Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác	
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn ngân sách									Nguồn khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
47	TS0005 - Tivi LG 550		1	14.216,00	14.216,00									
48	TS Đu quay - Đu quay mâm không ray		1	22.785,00		22.785,00								
49	VT01 - Máy tính để bàn (ISO)		1	15.239,00	15.239,00		9.143,40							
50	MC0010 - Lan can cầu thang (năm 2020)		1	39.150,00		39.150,00	4.893,75							
51	NB01 - Nhà banh		1	14.080,00	14.080,00		12.672,00							
52	TS0026 - Tủ đựng đồ dùng cá nhân của trẻ		1	11.200,00	11.200,00									
53	HM01 - Hệ thống quạt hút mùi, ống hút mùi khói		1	19.200,00	19.200,00		11.520,00							
54	MC0006 - Mái che nắng - Điểm Ngọc Sơn 2019		1	20.825,00		20.825,00								
55	ĐQ502 - Đu quay 5 con giống		1	17.600,00		17.600,00								
56	TS0017 - Tivi LG 550		1	13.800,00	13.800,00									

ĐVT cho: Số lượng là: Cái; Giá trị là: Nghìn đồng.

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác
					Trong đó									
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
57	TS0042 - Máy vi tính		1	10.500,00	10.500,00									
58	TS cầu trượt - Cầu trượt đơn KT: 3800x1000x3300mm		1	18.795,00		18.795,00								
59	TS0020 - Tủ đựng đồ dùng cá nhân của trẻ		1	11.200,00	11.200,00									
60	TS0016 - Tivi LG 550		1	13.800,00	13.800,00									
61	TV05 - Ti vi TCL 4K		1	18.701,00	18.701,00		11.220,60							
62	VT02 - Máy tính để bàn (ISO)		1	15.239,00	15.239,00		9.143,40							
63	VT05 - Máy tính để bàn (ISO)		1	15.239,00	15.239,00		9.143,40							
64	TS0040 - Máy vi tính		1	10.500,00	10.500,00									
65	TS0037 - Đu quay mâm có ray		1	21.200,00	21.200,00									
66	TS0039 - Bộ vận động đa năng		1	61.500,00	61.500,00									

ĐVT cho: Số lượng là: Cái; Giá trị là: Nghìn đồng.

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai			Mục đích sử dụng							
				Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác	
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn ngân sách									Nguồn khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
67	TV 001 - Tivi TCL 4K		1	18.701,00	18.701,00		11.220,60							
68	VT07 - Máy tính để bàn (ISO)		1	15.239,00	15.239,00		9.143,40							
69	TS Mái che - Mái che nắng diêm Ngọc Sơn		1	41.800,00	41.800,00									
70	TS0025 - Tủ đựng đồ dùng cá nhân của trẻ		1	11.200,00	11.200,00									
71	TS0034 - Xích đu treo		1	10.450,00	10.450,00									
72	TS0004 - Tivi LG 550		1	14.216,00	14.216,00									
73	TV07 - Tivi TCL 4K		1	18.701,00	18.701,00		11.220,60							
74	Loa kéo di động		1	11.000,00	11.000,00		8.800,00							
75	CR01 - Chậu rửa chén Inox 3 ô		1	15.360,00	15.360,00		11.520,00							
76	MH01 - Máng hút khóiMH01 - Máng hút khói		1	15.360,00	15.360,00		9.216,00							

ĐVT cho: Số lượng là: Cái; Giá trị là: Nghìn đồng.

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai			Mục đích sử dụng							
				Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác	
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn ngân sách									Nguồn khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
77	TL02 - Tủ lạnh 2 cánh lớn		1	18.752,00	18.752,00		11.251,20							
78	TV 002 - Ti vi TCL 4K		1	18.701,00	18.701,00		11.220,60							
79	SL01 - Salon tiếp khách		1	17.920,00	17.920,00		13.440,00							
80	TV 003 - Ti vi TCL 4K		1	18.701,00	18.701,00		11.220,60							
81	TV 004 - Ti vi TCL 4K		1	18.701,00	18.701,00		11.220,60							
	Tổng cộng		81	1.912.097,30	1.610.915,30	301.182,00	440.383,85							

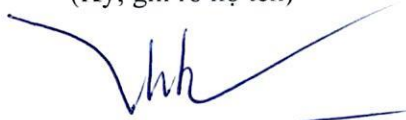
Nguồn: Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công

Lập, ngày 23 tháng 6 năm 2025

Thời gian xuất báo cáo: 26/05/2025 09:10:07

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)


Phạm Thị Thanh Hòa

Thủ trưởng cơ quan

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)




Lê Thùy Mỹ Linh

10/10/10

10/10/10